

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại: 042 260 6166

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82

Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 03 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại: 042 260 6166

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2017	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**
Điện thoại: 042 260 6166 *đính kèm Báo cáo tài chính*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP:

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106332492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2013 và được đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 26 tháng 09 năm 2016. Theo đó:

Tên viết tắt: PIENHP.,JSC

Vốn Điều lệ của Công ty: 275.764.900.000 đồng

(Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi lăm tỷ, bảy trăm sáu mươi tư triệu, chín trăm ngàn đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Trụ sở chính: Thôn Điểm Tổng xã Tích Giang huyện Phúc Thọ TP Hà Nội, Việt Nam.

Danh sách cổ đông đã góp vốn:

Nội Dung	Loại cổ phần	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ % góp vốn
Ông Lê Xuân Nghĩa	Phổ thông	4.610.502	46.105.020.000	17%
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Phổ thông	2.186.750	21.867.500.000	7,93%
Bà Nguyễn Hiền Nga	Phổ thông	258.750	2.587.500.000	0,94%
Ông Tào Ngọc Tuấn	Phổ thông	258.750	2.587.500.000	0,94%
Các cổ đông khác	Phổ thông	20.261.738	202.617.380.000	73,47%
Cộng		27.576.490	275.764.900.000	100%

Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của công ty:

- Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hạt nhựa và sản xuất bao bì.
Sản xuất các loại bánh từ bột; sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự; buôn bán nhiều liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; dịch vụ phục vụ đồ uống; sản xuất socola và mút kẹo;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
Khai thác thu gom than; khai thác và thu gom than cứng; khai thác khí đốt tự nhiên; khai thác dầu thô; khai thác quặng sắt; khai thác kim loại khác chứa sắt; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất sắt, thép, gang; sản xuất kim loại màu và kim loại quý; đúc sắt, thép; đúc kim loại màu; sản xuất các kết cấu kiện kim loại; rèn đập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại;
- Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại; dịch vụ liên quan tới in; buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; hoạt động thiết kế chuyên dụng trang trí nội thất;
- Đại lý; may trang phục; sản xuất may sẵn; sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; sản xuất các sản phẩm khác từ plastic;
- Hoạt động viễn thông khác; Tư vấn môi giới, đấu thầu bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo bao gồm:

A Hội đồng quản trị:

- | | |
|------------------------|---------------|
| 1 Ông Lê Xuân Nghĩa | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông Ngô Văn Phương | Phó chủ tịch |
| 3 Ông Nguyễn Cảnh Dinh | Ủy viên |
| 4 Ông Trần Đình Thiêng | Ủy viên |
| 5 Bà Trần Thị Hằng | Ủy viên |

Ban kiểm soát:

- | | |
|-----------------------|------------|
| 1 Bà Khuất Thu Hương | Trưởng ban |
| 2 Bà Nguyễn Thị Quyên | Thành viên |
| 3 Ông Phạm Văn Hải | Thành viên |

B Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|------------------------|------------------------------------------|
| 1 Bà Phạm Thị Thủy | Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/04/2016) |
| 2 Ông Phạm Thiên Thành | Kế toán trưởng |

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội (CPAHANOI).

3. Tại Báo cáo này Ban Tổng Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Đại diện

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP



Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thủy

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018



Số: 59 /2018/BCKT/BCTC - CPA HANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP được lập ngày 01/03/2018, từ trang 06 đến trang 35 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Tổng Giám đốc



Lê Văn Dò

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 0231-2018-016-1

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 1695-2018-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		147.689.282.458	132.398.079.312
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.152.193.951	5.091.870.508
1. Tiền	111	V.01	5.152.193.951	5.091.870.508
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.526.479.415	87.138.225.108
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	56.324.072.991	55.714.218.002
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	2.372.009.783	12.270.722.100
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	4.700.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	-33.130.396.641	19.153.285.006
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	39.473.130.784	32.861.682.319
1. Hàng tồn kho	141		40.553.153.582	32.861.682.319
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.080.022.798)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.07	6.537.478.308	7.306.301.377
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.438.926	14.162.336
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.532.039.382	7.292.139.041
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		240.094.151.322	253.647.453.227
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.08	994.502.530	3.962.752.530
1. Phải thu dài hạn khác	216		994.502.530	3.962.752.530
II. Tài sản cố định	220		64.522.199.224	71.341.021.878
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	64.522.199.224	71.341.021.878
- Nguyên giá	222		73.412.070.910	78.517.030.910
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.889.871.686)	(7.176.009.032)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		174.000.000.000	178.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	124.000.000.000	124.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	50.000.000.000	54.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		577.449.568	343.678.819
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	577.449.568	343.678.819
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		387.783.433.780	386.045.532.539

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của BCTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		108.893.044.340	101.956.786.621
I. Nợ ngắn hạn	310		95.195.900.065	85.809.861.431
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	14.601.734.655	13.905.498.459
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	5.167.970.472	2.567.372.900
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	177.518.290	1.564.086.611
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.529.928.943	646.541.220
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	7.456.462.235	148.412.236
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	64.986.886.855	66.646.482.028
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		275.398.615	331.467.977
II. Nợ dài hạn	330		13.697.144.275	16.146.925.190
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	13.697.144.275	16.146.925.190
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		278.890.389.440	284.088.745.918
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	278.890.389.440	284.088.745.918
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		275.764.900.000	275.764.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.764.900.000	275.764.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(226.000.000)	(26.000.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.409.974.228	1.806.671.911
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		941.515.212	6.543.174.007
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		709.631.360	510.150.829
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		231.883.852	6.033.023.178
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		387.783.433.780	386.045.532.539

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Minh

Kế toán trưởng



Phạm Thiên Thành

Hà Nội ngày 01 tháng 03 năm 2018



Giám đốc

Phạm Thị Thủy

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của BCTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

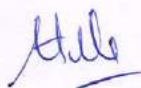
Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	142.773.456.510	181.522.036.690
2. Các khoản giảm trừ	3	VI.02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.03	142.773.456.510	181.522.036.690
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	127.108.283.313	165.472.751.385
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		15.665.173.197	16.049.285.305
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	3.424.586	2.815.035.038
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	8.846.818.752	5.976.734.005
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.819.392.679	5.767.156.993
8. Chi phí bán hàng	24	VI.07	636.216.561	1.517.535.643
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08	4.749.853.170	4.335.955.299
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.435.709.300	7.034.095.396
11. Thu nhập khác	31	VI.09	150.000.000	1.158.635.826
12. Chi phí khác	32	VI.10	1.149.487.981	513.797.637
13. Lợi nhuận khác	40		(999.487.981)	644.838.189
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		436.221.319	7.678.933.585
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	204.337.467	1.645.910.407
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		231.883.852	6.033.023.178
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.12	8	292
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu				

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thanh Minh

Phạm Thiên Thành

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018



Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thủy

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của BCTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		150.720.550.055	138.741.881.556
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(121.763.427.630)	(181.197.154.412)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.483.417.835)	(7.260.008.674)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(5.905.519.215)	(5.767.156.993)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.697.454.514)	(3.043.567.663)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		14.957.879.353	71.795.400.732
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(27.060.595.305)	(61.182.782.713)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(231.985.091)	(47.913.388.167)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(2.740.800.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.400.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(100.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			14.350.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.232.148	669.606.672
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.401.232.148	(87.721.193.328)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	95.101.770.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		87.899.477.828	137.183.607.307
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(92.008.853.916)	(100.977.876.089)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(5.211.956.610)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.109.376.088)	126.095.544.608
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		59.870.969	(9.539.036.887)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.091.870.508	14.664.266.409
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		452.474	(33.359.014)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		5.152.193.951	5.091.870.508

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Handwritten signature of Nguyễn Thị Thanh Minh

Handwritten signature of Phạm Thiên Thành

Nguyễn Thị Thanh Minh

Phạm Thiên Thành

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thủy

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của BCTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106332492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2013 và được đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 26 tháng 09 năm 2016. Theo đó:

Tên công ty: Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP

Tên giao dịch quốc tế: NHP PRODUCTION IMPORT - EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: PIENHP.,JSC

Vốn Điều lệ của Công ty: 275.764.900.000 đồng

(Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi lăm tỷ, bảy trăm sáu mươi tư triệu, chín trăm ngàn đồng)

Trụ sở chính: Thôn Điểm Tổng xã Tích Giang huyện Phúc Thọ TP Hà Nội, Việt Nam.

2. **Lĩnh vực hoạt động chính:** Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hạt nhựa và sản xuất bao bì.
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Sản xuất các loại bánh từ bột; sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự; buôn bán nhiều liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; dịch vụ phục vụ đồ uống; sản xuất socola và mứt kẹo;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Khai thác thu gom than; khai thác và thu gom than cứng; khai thác khí đốt tự nhiên; khai thác dầu thô; khai thác quặng sắt; khai thác kim loại khác chứa sắt; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
 - Sản xuất sắt, thép, gang; sản xuất kim loại màu và kim loại quý; đúc sắt, thép; đúc kim loại màu; sản xuất các kết cấu kiện kim loại; rèn đập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại;
 - Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại; dịch vụ liên quan tới in; buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; hoạt động thiết kế chuyên dụng trang trí nội thất;
 - Đại lý; may trang phục; sản xuất may sẵn; sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; sản xuất các sản phẩm khác từ plastic;
 - Hoạt động viễn thông khác; Tư vấn môi giới, đấu thầu bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
3. **Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường:** chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. **Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

3. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP tuyên bố Báo cáo tài chính năm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

1. **Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:**

Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:**

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài dưới các hình thức:

- Đầu tư dưới hình thức góp vốn vào đơn vị khác (do bên được đầu tư huy động vốn);
- Đầu tư dưới hình thức mua lại phần vốn góp tại đơn vị khác (mua lại phần vốn của chủ sở hữu)

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá trị hợp lý.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết là thời điểm chính thức có quyền sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được xác định giá trị tổn thất tại thời điểm lập Báo cáo tài chính để trích lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Tuy nhiên, các công ty con, công ty liên kết của công ty đều không bị lỗ hay đang trong giai đoạn đầu tư nên công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Phải thu của khách hàng: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

Phải thu nội bộ: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với đơn vị cấp dưới hoặc giữa các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

Phải thu khác: phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

Các khoản phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán.

Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:

- Tài sản cố định ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 45 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 8 năm

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước của công ty gồm công cụ dụng cụ, các chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả...

Phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác:

Phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả, nếu:

. Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả bán có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh-liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.

- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.

- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả gồm lãi vay, lãi trái phiếu trả sau, chi phí công trình, chi phí phải trả khác. Chi phí của các công trình xây dựng và tư vấn thiết kế đã có trong dự toán thực tế phát sinh nhưng chưa tập hợp đủ hồ sơ, tài liệu do các công trình xây dựng ở xa, nằm rải rác trên nhiều địa bàn được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của các công trình xây dựng là giá trị công trình tạm tính hoặc biên bản tạm xác định khối lượng, cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của hoạt động tư vấn thiết kế căn cứ theo hợp đồng và phần công việc hoàn thành. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như: người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

Thu nhập khác: Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán trong kỳ, các khoản hao hụt định mức, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí tài chính: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tiền		
Tiền mặt	5.109.117.970	2.836.627.610
Tiền gửi ngân hàng	43.075.981	2.255.242.898
Tiền gửi ngân hàng VND	27.045.986	2.227.103.207
Ngân hàng TMCP An Bình_CN Hà Nội (0111038957035)	-	12.056.681
Ngân hàng TMCP An Bình_CN Hà Nội (0111038492059)	504.104	304.357.121
Ngân hàng NN&PTNN_CN Tây Hà Nội	3.000.661	1.083.251.704
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam_CN Trảng An	21.427.032	187.085.710
Ngân hàng TMCP Bảo Việt_CN Sở giao dịch_PGĐ Đào Tấn	397.540	502.799
Ngân hàng TMCP Quốc Dân_CN Hà Nội	1.279.028	2.251.846
Ngân hàng Vietcombank_CN Hà Tây	-	637.597.346
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	437.621	-
Tiền gửi ngân hàng USD	16.029.995	28.139.691
Ngân hàng TMCP An Bình_CN Hà Nội (100,01 USD)	2.269.227	2.262.226
Ngân hàng NN&PTNN_CN Tây Hà Nội (102,45 USD)	2.323.054	23.602.377
Ngân hàng TMCP Quốc Dân_CN Hà Nội (100,18 USD)	2.271.081	2.275.088
Ngân hàng Vietcombank_CN Hà Tây (300,1 USD)	6.801.767	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam_CN Hà Tây (104,34 USD)	2.364.866	-
Cộng	5.152.193.951	5.091.870.508
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu ngắn hạn khách hàng	20.018.022.625	26.157.416.739
CN Công ty CP Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng tại Hà Nội- CN Số 02	-	268.000.000
Công ty CP vật liệu xây dựng GDM	16.254.865.000	24.190.740.000
Công ty Cơ khí Việt á	1.115.792.590	-
Công ty TNHH Dệt Kim Phú Vĩnh Hưng	2.442.000.000	-
Khách hàng nước ngoài	-	334.910.639
Đối tượng khác	205.365.035	1.363.766.100
b. Phải thu dài hạn khách hàng	-	-
c. Phải thu các bên liên quan	36.306.050.366	29.556.801.263
Công ty Cổ phần Đầu tư NHP	1.842.500.000	1.842.500.000
Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	1.568.000.000	-
Cty CP XD&ĐT Trường Giang	3.064.577.000	590.000.000
Công ty TNHH Thịnh Phát	29.830.973.366	27.124.301.263
Cộng	56.324.072.991	55.714.218.002
3. Trả trước cho người bán:	Số cuối năm	Số đầu năm

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội
Điện thoại: 042 260 6166

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

Cty CP tư vấn địa chính và đo đạc Thanh Xuân	-	500.000.000
Công ty CP chứng khoán An Bình	-	100.000.000
Công ty TNHH TM Hải Hùng	11.878.350	-
Công ty CP TM và XNK Liên Việt	-	55.000.000
Công ty cổ phần đầu tư NHP	80.000.000	70.000.000
Công ty TNHH công nghệ CIC quốc tế	-	2.239.030.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội	40.000.000	-
Công ty TNHH PKF Việt Nam	-	30.000.000
Công ty TNHH Quan Châu	690.228.000	690.228.000
Công ty TNHH Thịnh Phát	1.131.689.333	8.133.250.000
Công ty TNHH tư vấn môi trường Hà Nội	-	55.000.000
Viện nghiên cứu phát triển kinh doanh	418.214.100	398.214.100
Cộng	2.372.009.783	12.270.722.100

4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Triệu Thị Khoa (1)	3.200.000.000	-
Bà Đoàn Thị Xuân (2)	1.500.000.000	-
Cộng	4.700.000.000	-

(1) Cho Bà Triệu Thị Khoa vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 01/2017/HĐVT ký ngày 07/12/2017, số tiền là 3.200.000.000. Thời gian vay 3 tháng kể từ ngày 10/12/2017, lãi suất 9%/năm.

(2) Cho Bà Đoàn Thị Xuân vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 02/2017/HĐVT ký ngày 25/12/2017, số tiền là 1.500.000.000. Thời gian vay 3 tháng kể từ ngày 25/12/2017, lãi suất 9%/năm.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng (1)	22.130.396.641	-	12.128.744.006	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-	23.072.000	-
Dư nợ TK 3382 "Kinh phí công đoàn"	-	-	1.469.000	-
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	11.000.000.000	-	7.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Mai Hương (2)	4.000.000.000	-	-	-
Bà Ngô Thị Huyền (3)	2.800.000.000	-	2.800.000.000	-
Bà Phạm Thị Thanh Hoa (4)	4.200.000.000	-	4.200.000.000	-
Cộng	33.130.396.641	-	19.153.285.006	-

(1) Chi tiết số dư tạm ứng:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lê Xuân Nghĩa	2.252.500.000	2.201.500.000
Nguyễn Thị Quyên	9.679.298	-
Nguyễn Thị Thanh Nga	-	30.333.700
Ngô Thị Ngân	13.508.000	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Ngô Văn Phương	10.000.000	-
Phạm Thị Thanh Hoa	2.000.000.000	2.000.000.000
Phạm Thị Thủy	186.425.000	-
Phạm Văn Hải	16.715.000.000	6.715.000.000
Trần Thị Hằng	250.000.000	-
Trần Thị Ngọc Nguyệt	400.000.000	882.805.963
Vu Quang	293.284.343	299.104.343
Cộng	22.130.396.641	12.128.744.006

(2) Phải thu bà Nguyễn Thị Mai Hương tiền chuyển nhượng của Công ty cổ phần Delex Việt Nam theo Hợp đồng chuyển nhượng Cổ phần số 0311/HĐ-CT ngày 18/11/2017, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 400.000 Cổ phần, giá chuyển nhượng là 10.000 đồng/cổ phần

(3) Phải thu Bà Ngô Thị Huyền tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần Delex Việt Nam theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0112/HĐ-CT ngày 01/12/2016, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 200.000 cổ phần, giá chuyển nhượng là 14.000đồng/cổ phần.

(4) Phải thu Bà Phạm Thị Thanh Hoa tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần Delex Việt Nam theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0609/HĐ-CT ngày 06/09/2016, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 300.000 cổ phần, giá chuyển nhượng là 14.000đồng/cổ phần.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.025.995.265	235.210.005	8.330.010.178	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	118.409.237	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.182.105.735	-	1.723.039.163	-
Thành phẩm	25.345.052.582	844.812.793	14.622.951.030	-
Hàng hóa	-	-	8.067.272.711	-
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	40.553.153.582	1.080.022.798	32.861.682.319	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

7. Tài sản khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản ngắn hạn khác	6.537.478.308	7.306.301.377
Chi phí trả trước ngắn hạn:	5.438.926	14.162.336
Chi phí mua bảo hiểm	5.438.926	14.162.336
Thuế GTGT được khấu trừ	6.532.039.382	7.292.139.041
Tài sản dài hạn khác	577.449.568	343.678.819
Chi phí trả trước dài hạn:	577.449.568	343.678.819
Chi phí CCDC chờ phân bổ	65.139.371	129.480.843
Các khoản khác	512.310.197	214.197.976
Cộng	7.114.927.876	7.649.980.196

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại: 042 260 6166

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2017

8. Phải thu dài hạn khác

Ký cược, ký quỹ dài hạn

Phải thu dài hạn khác (Bà Triệu Thị Hà)

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
994.502.530	994.752.530
-	2.968.000.000
994.502.530	3.962.752.530

9. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>

10. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư NHP	7.400.000	74.000.000.000	7.400.000	74.000.000.000
Cty cổ phần TM và DL Kim Bôi	3.600.000	50.000.000.000	3.600.000	50.000.000.000
Cộng		124.000.000.000		124.000.000.000

11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty CP XD&ĐT Trường Giang	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	-	-	400.000	4.000.000.000
Cộng		50.000.000.000		54.000.000.000

12. Phải trả người bán ngắn hạn

a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH một thành viên 76	5.743.312.500	5.743.312.500	7.890.000.000	7.890.000.000
Công ty TNIII MTV Marubeni Việt Nam	3.599.125.000	3.599.125.000	-	-
Công ty CP sản xuất tổng hợp An Thành	901.250.000	901.250.000	-	-
Công ty CP TM và SX Đức Hùng	706.500.000	706.500.000	-	-
Công ty CP Nhựa á Đông	586.000.000	586.000.000	121.600.000	121.600.000
Công ty TNHH TM và hoá chất Ánh Dương	532.500.000	532.500.000	-	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Bình Minh	278.800.000	278.800.000	308.800.000	308.800.000
Công ty CP Flexicon Việt Nam	146.061.785	146.061.785	111.294.370	111.294.370
Công ty cổ phần công nghiệp Tân Nhật Minh	113.195.240	113.195.240	123.195.240	123.195.240

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Diêm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại: 042 260 6166

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2017

CN Cty LD TNHH IN MEI Việt Nam	102.446.600	102.446.600	65.714.000	65.714.000
Công ty TNHH Đầu tư TM XNK Thăng Long	100.622.500	100.622.500	131.661.300	131.661.300
Công ty CP Khoáng sản Pha Lê	91.074.553	91.074.553	91.074.553	91.074.553
Công ty TNHH Hóa chất Trường Phát			-	-
Công ty TNHH một thành viên Duyên Hằng	82.225.000	82.225.000	131.599.500	131.599.500
Công ty DV bảo vệ Xuyên Việt	70.800.000	70.800.000	-	-
Công ty TNIII Bu Kwang Vina	69.512.339	69.512.339		
Công ty TNHH TM&SX Nhật Min	65.550.000	65.550.000	40.000.000	40.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	63.539.000	63.539.000	153.539.000	153.539.000
Công ty CP dầu mỡ Việt Nam	47.506.240	47.506.240	72.028.000	72.028.000
Cty TNHH XNK Vĩnh Thái	29.069.898	29.069.898	-	-
Công ty CP DV TM & VT Phúc An	26.600.000	26.600.000		
Công ty TNHH QVP Hà Nội	20.276.000	20.276.000	-	-
Công ty TNHH sản xuất ĐTTM Hoàng Tùng	14.780.000	14.780.000	-	-
Công ty TNHH PKF Việt Nam	7.500.000	7.500.000	-	-
Cty CP tư vấn Công nghệ và XNK Linker Việt Nam	-	-	83.500.000	83.500.000
Công ty CP XNK hóa chất HTP Việt Nam	-	-	45.220.000	45.220.000
Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Vạn Xuân	-	-	34.266.656	34.266.656
Bà Nguyễn Thị Hường			423.004.840	423.004.840
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c. Phải trả người bán là các bên liên quan	1.203.488.000	1.203.488.000	4.079.001.000	4.079.001.000
Công ty CP xây dựng và đầu tư Trường Giang	-	-	4.015.013.000	4.015.013.000
Bà Ngô Thị Ngân	1.203.488.000	1.203.488.000	63.988.000	63.988.000
Cộng	14.601.734.655	14.601.734.655	13.905.498.459	13.905.498.459

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng nước ngoài	5.167.970.472	679.500.000
Công ty CP Việt Long	-	1.887.872.900
Cộng	5.167.970.472	2.567.372.900

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại: 042 260 6166

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2017

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT phải nộp	-	758.300	758.300	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.295.910.407	555.881.574	1.697.454.514	154.337.467
Thuế thu nhập cá nhân	268.176.204	23.194.752	268.190.133	23.180.823
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	393.975.000	393.975.000	-
Các loại thuế khác	-	14.970.000	14.970.000	-
Cộng	1.564.086.611	988.779.626	2.375.347.947	177.518.290

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trích trước phí kiểm toán	81.818.182	81.818.182	81.818.182	81.818.182
Chi phí phải trả khác	2.448.110.761	2.448.110.761	564.723.038	564.723.038
Cộng	2.529.928.943	2.529.928.943	646.541.220	646.541.220

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
BHXX, BHYT, BHTN	267.547.721	148.412.236
Kinh phí công đoàn	15.158.500	-
Phải trả, phải nộp khác	7.173.756.014	-
Cộng	7.456.462.235	148.412.236

17. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	<i>64.986.886.855</i>	<i>66.646.482.028</i>
Ngân hàng Agribank - CN Tây Hà Nội (1)	49.997.992.054	46.735.732.968
Ngân hàng TMCP Vietcombank - CN Hà Tây (2)	14.988.894.801	14.714.149.060
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (3)	-	5.196.600.000
<i>Vay ngắn hạn cá nhân</i>	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	<i>13.697.144.275</i>	<i>16.146.925.190</i>
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (4)	11.448.644.275	13.901.925.190
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội (5)	-	2.245.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Ngô Quyền (6)	2.248.500.000	-
Cộng	78.684.031.130	82.793.407.218

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Agribank chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng vay số: 1480-LAV-201600125 ký ngày 10/06/2016; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 1480LCL201600070 ký ngày 09/06/2016. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động; lãi suất tại thời giải ngân được quy định trên từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là: Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất tại nhà máy thôn Điểm Tổng, Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Agribank chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng vay số: 1480-LAV-20170037 ký ngày 09/06/2017; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 1480LCL201600070 ký ngày 09/06/2016 kèm theo Phụ lục số 01 ngày 5/6/2017. Hạn mức vay 50 tỷ, thời gian 12 tháng, mục đích: Bổ sung vốn lưu động; lãi suất tại thời giải ngân được quy định trên từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là: Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất tại nhà máy thôn Điểm Tổng, Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội

(2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Vietcombank chi nhánh Hà Tây theo hợp đồng vay số: 83/HM/16/KHDN/VCBHT-NHP ký ngày 21/09/2016. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh; lãi suất tại thời giải ngân được quy định trên từng khế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng vay số: 2887/15/TD-TT/II ký ngày 29/06/2015 Hợp đồng thế chấp tài sản số: 2320/15/TC-TT/II ký ngày 03/06/2015. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh; lãi suất tại thời giải ngân được quy định trên từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thôn Điểm Tổng xã Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội.

(4) Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội theo hợp đồng số 2192/15/TD-TT/II ký ngày 04/06/2015; hợp đồng cầm cố tài sản số 2155/15/TC-TT/II ngày 04/06/2015; hợp đồng cầm cố tài sản số 2154/15/TC-TT/II ngày 04/06/2015; hợp đồng cầm cố tài sản số 2163/15/TC-TT/II ngày 04/06/2015; hợp đồng cầm cố tài sản số 2164/15/TC-TT/II ngày 04/06/2015. Mục đích vay mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, lãi suất tại thời điểm giải ngân được quy định trên từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị; 250.000 cổ phiếu của công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu NIIP (của bà Nguyễn Hiền Nga); 250.000 cổ phiếu của công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu NHP (của ông Tào Ngọc Tuấn) đang niêm yết tại sàn HNX.

(5) Khoản vay trung và dài hạn của Ngân hàng TMCP Quốc Dân -CN Hà Nội theo hợp đồng số: 005/15/HĐTD/104-11 ký ngày 08/05/2015; hợp đồng thế chấp số: 005/15/HĐTC/104-11 ngày 08/05/2015. Mục đích vay: Mua xe ô tô phục vụ đi lại, lãi suất 9,5%/năm cho năm đầu tiên, các năm tiếp theo theo biên độ lãi suất (2,5%; 3%; 4,5%). Tài sản đảm bảo là xe ô tô hình thành từ vốn vay.

(6) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng số: 230117-3393970-01-SME ký ngày 24/01/2017, số tiền vay 3.000.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng. Mục đích: thanh toán tiền mua hạt nhựa PP theo Hợp đồng mua bán với Công ty Thịnh Phát. Phương thức cho vay: Trả góp. Lãi suất quy định trong các khế ước nhận nợ. Tiền vay được bảo đảm bằng bảo lãnh cá nhân của Bà Phạm Thị Thủy và Ông Lê Xuân Nghĩa ký ngày 24/01/2017.

<Xem chi tiết tăng giảm và khả năng trả nợ tại Phụ lục số 02>

18. Vốn góp chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại Phụ lục số 03>

18.2 Chi tiết vốn cơ cấu tỷ lệ cổ đông sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ % góp vốn
Ông Lê Xuân Nghĩa	46.105.020.000	16,72%
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	21.867.500.000	7,93%
Bà Nguyễn Hiền Nga	2.587.500.000	0,94%

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Ông Tào Ngọc Tuấn	2.587.500.000	0,94%
Các cổ đông khác	202.617.380.000	73,47%
Cộng	275.764.900.000	100%

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	275.764.900.000	275.764.900.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối năm	275.764.900.000	275.764.900.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		5.211.956.610

18.4 Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	27.576.490	27.576.490
Số lượng cổ phiếu đã phát hành:	27.576.490	27.576.490
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.576.490	27.576.490
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	27.576.490	27.576.490
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.576.490	27.576.490
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

18.5 Các quỹ của doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Quỹ đầu tư phát triển	2.409.974.228	1.806.671.911
Cộng	2.409.974.228	1.806.671.911

Các quỹ của doanh nghiệp được trích căn cứ theo Điều lệ công ty và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp: để dự phòng rủi ro có thể xảy ra và đầu tư phát triển doanh nghiệp theo chiều sâu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <đồng>

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hạt nhựa	46.558.295.662	68.894.678.007
Doanh thu bán bao bì	70.221.476.866	93.801.826.760
Doanh thu khác	25.993.683.982	18.825.531.923
Cộng	142.773.456.510	181.522.036.690

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại	-	-
---------------------	---	---

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại: 042 260 6166

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2017

	Năm nay	Năm trước
03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hạt nhựa	46.558.295.662	68.894.678.007
Doanh thu bán bao bì	70.221.476.866	93.801.826.760
Doanh thu khác	25.993.683.982	18.825.531.923
Cộng	142.773.456.510	181.522.036.690
04. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn bán hạt nhựa	46.545.937.640	67.702.316.138
Giá vốn bán bao bì	62.874.064.535	89.105.929.674
Giá vốn khác	17.688.281.138	8.664.505.573
Cộng	127.108.283.313	165.472.751.385
05. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.700.276	26.007.721
<i>Lãi từ hoạt động bán chứng khoán</i>	-	<i>2.643.600.000</i>
Doanh thu TC khác	-	5.499.489
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.724.310	139.927.828
Cộng	3.424.586	2.815.035.038
06. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	8.819.392.679	5.767.156.993
Chênh lệch tỷ giá	16.959.609	75.106.076
Lỗ từ bán cổ phiếu	-	62.500.000
Chi phí tài chính khác	10.466.464	71.970.936
Cộng	8.846.818.752	5.976.734.005
07. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	194.531.090	153.965.760
Chi phí vận chuyển	393.484.679	510.344.999
Chi phí bán hàng khác	48.200.792	853.224.884
Cộng	636.216.561	1.517.535.643
08. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	2.794.914.160	2.185.640.384
Chi phí đồ dùng văn phòng	51.508.076	198.253.842
Chi phí khấu hao TSCĐ	66.666.665	159.999.996
Thuế phí và lệ phí	14.970.000	14.970.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.201.131.021	749.599.231
Chi phí bằng tiền khác	620.663.248	1.027.491.846
Cộng	4.749.853.170	4.335.955.299

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội
Điện thoại: 042 260 6166

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

09. Thu nhập khác

Thu tiền thanh lý tài sản cố định
Thu nhập khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	-	996.212.121
	150.000.000	162.423.705
	150.000.000	1.158.635.826

10. Chi phí khác

Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý
Tiền lãi các khoản phải trả, phải nộp quá hạn.
Thuế bị phạt, truy thu
Chi phí khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	254.133.340	-
	272.388.623	-
	230.009.351	152.244.000
	392.956.667	361.553.637
	1.149.487.981	513.797.637

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**Lợi nhuận kế toán trước thuế:**

Các khoản điều chỉnh tăng:

Các khoản điều chỉnh giảm:

Tổng thu nhập chịu thuế:

Thuế suất thuế TNDN:

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.

Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay.

Thuế TNDN phải nộp

	Năm nay	Năm trước
	436.221.319	7.678.933.585
	585.466.018	550.618.449
	-	-
	1.021.687.337	8.229.552.034
	20%	20%
	204.337.467	1.645.910.407
	-	-
	204.337.467	1.645.910.407

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	231.883.852	6.033.023.178
	27.576.490	20.632.298
	8	292

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

Chi phí nhân công

Chi phí khấu hao TSCĐ

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	73.000.355.293	68.826.891.275
	5.423.261.179	8.686.858.795
	3.515.935.649	3.341.491.604
	4.620.987.354	5.537.284.224
	769.195.626	3.239.245.258
	87.329.735.101	89.631.771.156

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VII. Những thông tin khác**1. Công cụ tài chính****1.1. Quản lý rủi ro**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

1.2. Các loại công cụ tài chính:**Tài sản tài chính:**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.152.193.951	5.091.870.508
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	89.454.469.632	74.867.503.008
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	174.000.000.000	178.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	-
Công nợ tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính	78.684.031.130	82.793.407.218
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	22.058.196.890	14.053.910.695
Công nợ tài chính khác	-	-

1.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các nghĩa vụ nợ ngoại tệ (nếu có) đều được thanh toán bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với các ngân hàng uy tín và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh vì các khoản phải thu khách hàng chủ yếu bằng tiền mặt.

Quản lý rủi ro thanh khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội
Điện thoại: 042 260 6166

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	64.986.886.855	-
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	22.058.196.890	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	13.697.144.275
Công nợ khác	-	2.529.928.943

2. Thông tin về các bên liên quan:

Các bên liên quan	Ghi chú	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư NHP Cty Cổ phần TM và DL Kim Bôi		Công ty liên kết Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	(1)	Công ty đầu tư góp vốn khác
Cty CP XD&ĐT Trường Giang	(2)	Ông Lê Xuân Nghĩa - Chủ tịch HĐQT Công ty Trường Giang đồng thời là Chủ tịch HĐQT Cty CP SX XNK NHP. Bà Phạm Thị Thủy - Thành viên HĐQT Công ty Trường Giang là Tổng giám đốc Cty CP SX XNK NHP.
Công ty CP Dầu thực vật Sài Gòn	(3)	Công ty có cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty CP SX XNK NHP là một nhà đầu tư.
Công ty TNHH Thịnh Phát	(4)	Ông Ngô Văn Phương Giám đốc Công ty Thịnh Phát đồng thời là Phó chủ tịch HĐQT Cty CP SX XNK NHP
Công ty Cổ phần Sapa NHP	(5)	Ông Lê Xuân Nghĩa - Giám đốc Công ty Sapa NHP đồng thời là Chủ tịch HĐQT Cty CP SX XNK NHP.
Viện nghiên cứu P.triển kinh doanh	(6)	Ông Lê Xuân Nghĩa - Viện trưởng Viện nghiên cứu PTKD đồng thời là Chủ tịch HĐQT Cty CP SX XNK NHP.
Cty TNHH May thêu Minh Phương	(7)	Bà Triệu Thị Hà ủy viên HĐQT (miễn nhiệm từ 28/04/2016) là Giám đốc Công ty Minh Phương
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội	(8)	Ông Lê Xuân Nghĩa - Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quốc Dân đồng thời là Chủ tịch HĐQT Cty CP SX XNK NHP.
Bà Ngô Thị Ngân	(9)	Khách hàng, nhà cung cấp của Công ty Cổ phần Sản xuất xuất nhập khẩu NHP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội
Điện thoại: 042 260 6166

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

Bà Ngô Thị Huyền

(10)

Tổng Giám đốc của công ty Delex Việt Nam

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

2.1	Giao dịch phát sinh	Quan hệ với C.ty	Nghiệp vụ phát sinh	Năm nay	
	* Bán hàng hóa			91.941.248.353	
	Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	(1)	Doanh thu bán hàng hóa	3.600.000.000	
	Cty CP XD&ĐT Trường Giang	(2)	Doanh thu bán hàng hóa	21.930.190.000	
	Công ty TNHH Thịnh Phát	(3)	Doanh thu bán hàng hóa	59.424.474.353	
	Bà Ngô Thị Ngân	(4)	Doanh thu bán hàng hóa	6.986.584.000	
	* Mua hàng, TSCĐ			44.286.890.817	
	Công ty Cổ phần Đầu tư NHP	Công ty liên kết	Mua hàng	10.000.000	
	Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	(1)	Mua hàng	1.713.000.000	
	CP Cty CP XD&ĐT Trường Giang	(2)	Mua hạt nhựa PP, bao bì PP, cuộn dệt	11.548.490.000	
	Công ty TNHH Thịnh Phát	(4)	Mua hàng, mua TSCĐ	23.953.607.917	
	Bà Ngô Thị Ngân	(9)	Mua hàng	7.061.792.900	
	* Rút vốn đầu tư:			4.000.000.000	
	Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	(1)	Rút vốn đầu tư	4.000.000.000	
	* Vay ngân hàng, cá nhân			400.000.000	
	Bà Ngô Thị Ngân	(9)	Vay ngắn hạn	400.000.000	
	* Trả Vay ngân hàng, cá nhân			2.645.000.000	
	Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội	(8)	Trả vay Ngân hàng	2.245.000.000	
	Bà Ngô Thị Ngân	(9)	Trả vay ngắn hạn	400.000.000	
	* Tam ứng			19.163.925.000	
	Ông Lê Xuân Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	2.252.500.000	
	Ông Ngô Văn Phương	Phó CT HĐQT	Tạm ứng	10.000.000	
	Bà Phạm Thị Thủy	Tổng GĐ	Tạm ứng	186.425.000	
	Ông Phạm Văn Hải	Thành viên BKS	Tạm ứng	16.715.000.000	
2.2	Công nợ với bên liên quan	Quan hệ với Công ty	Nội dung công nợ	Số cuối năm	Số đầu năm
	* Các khoản phải thu			232.269.975.366	222.640.301.263
	Công ty Cổ phần Đầu tư NHP	Công ty liên kết	Góp vốn đầu tư	74.000.000.000	74.000.000.000
	Cty cổ phần TM và DL Kim Bôi	Công ty liên kết	Góp vốn đầu tư	50.000.000.000	50.000.000.000
	Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	(1)	Góp vốn đầu tư	-	4.000.000.000
	Cty CP XD&ĐT Trường Giang	(2)	Góp vốn đầu tư	50.000.000.000	50.000.000.000
	Công ty Cổ phần Đầu tư NHP	Công ty liên kết	Phải thu KH	1.842.500.000	1.842.500.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại: 042 260 6166

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2017

Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	(1)	Phải thu KH	1.568.000.000	-
Cty CP XD&ĐT Trường Giang	(2)	Phải thu KH	3.064.577.000	590.000.000
Công ty TNHH Thịnh Phát	(4)	Phải thu KH	29.830.973.366	27.124.301.263
Bà Ngô Thị Ngân	(9)	Phải thu KH	-	399.000.000
Bà Ngô Thị Huyền	(10)	Phải thu khác	2.800.000.000	2.800.000.000
Bà Triệu Thị Hà	Thành viên BKS (đã nghỉ việc)	Phải thu khác	-	2.968.000.000
Ông Lê Xuân Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	2.252.500.000	2.201.500.000
Ông Ngô Văn Phương	Phó CT HĐQT	Tạm ứng	10.000.000	-
Ông Phạm Văn Hải	Thành viên BKS	Tạm ứng	16.715.000.000	6.715.000.000
Bà Phạm Thị Thủy	Tổng Giám Đốc	Tạm ứng	186.425.000	-
* Trả trước người bán ngắn hạn			1.629.903.433	8.601.464.100
Công ty Cổ phần Đầu tư NHP	Công ty liên kết		80.000.000	70.000.000
Công ty TNHH Thịnh Phát	(4)		1.131.689.333	8.133.250.000
Viện nghiên cứu P.triển kinh doanh	(6)		418.214.100	398.214.100
* Các khoản phải trả			1.203.488.000	6.324.001.000
Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	(1)	Mua hàng	-	-
Cty CP XD&ĐT Trường Giang	(2)	Mua hàng	-	4.015.013.000
Công ty TNHH Thịnh Phát	(4)	Mua hàng	-	-
Bà Ngô Thị Ngân	(9)	Mua hàng	1.203.488.000	63.988.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội	(8)	Vay và nợ thuê tài chính	-	2.245.000.000

2.3 Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
Hội đồng quản trị:		
Ông Lê Xuân Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	-
Ông Ngô Văn Phương	Phó chủ tịch	-
Ông Nguyễn Cảnh Dinh	Ủy viên	-
Ông Trần Đình Thiêng	Ủy viên	-
Bà Trần Thị Hằng	Ủy viên	-
Ban kiểm soát:		
Bà Khuất Thu Hương	Trưởng ban	-
Bà Nguyễn Thị Quyên	Thành viên	95.842.222
Ông Phạm Văn Hải	Thành viên	91.798.731
Ban Tổng Giám đốc:		
Bà Phạm Thị Thủy	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/04/2016)	260.999.074
Ông Phạm Thiên Thành	Kế toán trưởng (kể từ ngày 2/10/2015)	98.317.615
Tổng cộng		546.957.642

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (phân loại hoạt động trong nước và nước ngoài)

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh của Công ty là thương mại hạt nhựa và sản xuất bao bì nhựa.

Thông tin về kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Doanh thu hạt nhựa	Doanh thu bao bì	Doanh thu khác	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	46.558.295.662	70.221.476.866	25.993.683.982	142.773.456.510
Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-
Chi phí bộ phận	46.545.937.640	62.874.064.535	17.688.281.138	127.108.283.313
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	12.358.022	7.347.412.331	8.305.402.844	15.665.173.197
Các khoản chi phí không phân bổ theo bộ phận				(5.386.069.731)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				10.279.103.466
Doanh thu hoạt động tài chính				3.424.586
Chi phí tài chính				(8.846.818.752)
Thu nhập khác				150.000.000
Chi phí khác				(1.149.487.981)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(204.337.467)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				231.883.852

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các kỳ hoạt động tiếp theo.

6. Những thông tin khác

6.1 Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	38,09	34,30
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	61,91	65,70

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tồng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội
Điện thoại: 042 260 6166

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

1.2. Bố trí cơ cấu vốn				
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	28,08		26,41
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	71,92		73,59
2. Khả năng thanh toán				
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	3,56		3,79
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,55		1,54
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,05		0,06
3. Tỷ suất sinh lời				
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu				
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	0,31		4,23
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	0,16		3,32
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản				
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,11		1,82
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,06		1,56

6.2 Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Minh

Kế toán trưởng



Phạm Thiên Thành

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018



Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thủy

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP
 Địa chỉ: Thôn Diêm Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội
 Điện thoại: 042 260 6166

Thuyết minh Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31/12/2017

Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	40.909.090.909	32.502.980.001	5.104.960.000	-	78.517.030.910
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	5.104.960.000	-	5.104.960.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	40.909.090.909	32.502.980.001	-	-	73.412.070.910
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.642.045.460	3.895.843.574	638.119.998	-	7.176.009.032
- Khấu hao trong năm	1.022.727.268	2.280.501.719	212.706.662	-	3.515.935.649
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	850.826.660	-	850.826.660
- Giảm khác	951.246.335	-	-	-	951.246.335
Số dư cuối năm	2.713.526.393	6.176.345.293	-	-	8.889.871.686
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	38.267.045.449	28.607.136.427	4.466.840.002	-	71.341.021.878
- Tại ngày cuối năm	38.195.564.516	26.326.634.708	-	-	64.522.199.224

51.615.317.919 đồng

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Diêm Tồng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại: 042.260.6166

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2017

Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm và khả năng trả nợ vay

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng cộng	78.684.031.130	78.684.031.130	87.899.477.828	92.008.853.916	82.793.407.218	82.793.407.218
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	64.986.886.855	64.986.886.855	84.899.477.828	86.559.073.001	66.646.482.028	66.646.482.028
Vay ngắn hạn tổ chức	64.986.886.855	64.986.886.855	83.899.477.828	85.559.073.001	66.646.482.028	66.646.482.028
Ngân hàng Agribank - CN Tây HN	49.997.992.054	49.997.992.054	66.321.703.478	63.059.444.392	46.735.732.968	46.735.732.968
Ngân hàng TMCP Vietcombank - CN Hà Tây	14.988.894.801	14.988.894.801	17.577.774.350	17.303.028.609	14.714.149.060	14.714.149.060
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	-	-	-	5.196.600.000	5.196.600.000	5.196.600.000
Vay ngắn hạn cá nhân	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Ngô Thị Ngân	-	-	400.000.000	400.000.000	-	-
Trần Thị Ngọc Nguyệt	-	-	600.000.000	600.000.000	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13.697.144.275	13.697.144.275	3.000.000.000	5.449.780.915	16.146.925.190	16.146.925.190
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	11.448.644.275	11.448.644.275	-	2.453.280.915	13.901.925.190	13.901.925.190
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội	-	-	-	2.245.000.000	2.245.000.000	2.245.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Ngô Quyền	2.248.500.000	2.248.500.000	3.000.000.000	751.500.000	-	-

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP
Địa chỉ: Thôn Diêm Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội
Điện thoại: 042 260 6166

Phụ lục 03: Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	174.554.000.000	-	878.724.121	13.535.159.124	188.967.883.245
- Tăng vốn trong năm trước	101.210.900.000	-	-	-	101.210.900.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	6.033.023.178	6.033.023.178
- Tăng khác	-	(26.000.000)	927.947.790	260.000	902.207.790
- Phân phối trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	13.025.268.295	13.025.268.295
2. Số dư cuối năm trước	275.764.900.000	(26.000.000)	1.806.671.911	6.543.174.007	284.088.745.918
3. Số dư đầu năm nay	275.764.900.000	(26.000.000)	1.806.671.911	6.543.174.007	284.088.745.918
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	231.883.852	231.883.852
- Tăng khác	-	(200.000.000)	603.302.317	951.246.335	1.354.548.652
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	6.144.486.575	6.144.486.575
+ Trả cổ tức	-	-	-	5.239.533.100	5.239.533.100
+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	603.302.317	603.302.317
+ Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	301.651.158	301.651.158
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	640.302.407	640.302.407
4. Số dư cuối năm	275.764.900.000	(226.000.000)	2.409.974.228	941.515.212	278.890.389.440

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)